

Bản án số: 85/2022/DS-ST

Ngày: 31/03/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Bà Võ Thị Ngọc Châu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/3/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-DS ngày 05/11/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐHPT-DS ngày 11 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C; địa chỉ: 108 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP C: Ông Nguyễn Anh T; địa chỉ: Số 292A đường D, Phường Đ, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 1033/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/9/2021) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Quang K sinh năm 1988; địa chỉ: Căn hộ E Lô B4 Chung cư F, phường G, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị Ngọc M sinh năm 1988; địa chỉ: 24.5, Tầng 24+25, Khu A2, đường L, Tổ H, ấp K, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên toà thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có ông Nguyễn Anh T là đại diện hợp pháp trình bày:

- Ngày 11/06/2020, ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI. Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức tín dụng với hạn mức là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng, với mục đích thanh toán chi trả các chi phí (bao gồm nguồn vốn đã ứng không có nguồn gốc từ vốn vay NHCT và TCTD khác) để mua xe ô tô HUYNDAI, biển số đăng ký 51H-561.51 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 572608 do Phòng CSGT Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/06/2020; Lãi suất: 8,5%/năm.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng tín dụng nêu trên là: 01 xe ô tô HUYNDAI; số loại: SANTAFE; số khung: 81XBEU290920; số máy: D4HBEU945097; mang biển số: 51H-561.51 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Phòng CSGT công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/06/2020 – theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2020/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 11/06/2020, đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/06/2020.

Trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, ông Huỳnh Quang K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc) từ ngày 25/11/2020. Do ông K, bà M không còn thiện chí, không còn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần. Do đó từ ngày 05/12/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện ông K, bà M tại Tòa án nhân dân nhân dân Quận 7, yêu cầu cụ thể như sau: Buộc ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M trả ngay một lần cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh số tiền 650.433.013 đồng, cụ thể:

Dư nợ theo HĐTD số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 là 587.627.697 (Năm trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc 504.000.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu) đồng; Lãi trong hạn 75.727.099 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi

chín)đồng; Lãi quá hạn 7.900.598 (Bảy triệu chín trăm nghìn năm trăm chín mươi tám) đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 31/03/2022 là 591.318.265 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 504.000.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu) đồng; Lãi trong hạn: 75.727.099 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi chín) đồng; Lãi trong hạn: 78.764.907 (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Lãi quá hạn: 8.553.358 (Tám triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi tám) đồng. Tổng cộng: 591.318.265 (Năm trăm chín mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng.

Ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 01/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trường hợp ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M không thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 xe ô tô HUYNDAI; số loại: SANTAFE; số khung: 81XBEU290920; số máy: D4HBEU945097; mang biển số: 51H-561.51 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Phòng CSGT công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/06/2020 – theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2020/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 11/06/2020, đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/06/2020.

Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 43/2020/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 11/06/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/06/2020, ông Huỳnh Quang K có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000

(Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 197.881.400 (Một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Huỳnh Quang K đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 151.239.700 (Một trăm năm mươi một triệu hai trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm) đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.

Các khoản phí và / hoặc lãi trong kỳ.

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Do trong quá trình thực hiện quan hệ tín dụng, ông Huỳnh Quang K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc) từ ngày 25/11/2020, toàn bộ khoản nợ vay của ông Huỳnh Quang K đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 05/12/2020, dư nợ gốc quá hạn là 49.938.149 đồng.

Tính đến ngày 31/03/2022, ông Huỳnh Quang K còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 49.938.147 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng); Lãi quá hạn: 11.990.907 (Mười một triệu, chín trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) đồng; Phí quá hạn: 876.262 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi hai đồng). Tổng cộng: 62.805.316 đồng (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu đồng) đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp Ngân hàng thương mại cổ phần C Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Huỳnh Quang K phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/03/2022 là 62.805.316 đồng (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu đồng) đồng; Nợ gốc: 49.938.147 đồng (Bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng); Lãi quá hạn: 11.990.907 (Mười một triệu, chín trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) đồng; Phí quá hạn: 876.262 đồng (Tám trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi hai đồng).

Ngoài ra, yêu cầu ông Huỳnh Quang K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 01/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 10/01/2022 - Bị đơn ông Huỳnh Quang K trình bày:

Vào khoảng tháng 6/2020 ông có mua 01 xe ô tô HUYNDAI, biển số đăng ký 51H-561.51 của ông Ý. Khi mua ông Ý có nói sẽ làm hồ sơ để ông vay số tiền còn lại của xe ô tô. Đến ngày công chứng mua bán xe, ngoài việc ký hợp đồng mua bán công chứng ông còn phải ký rất nhiều giấy tờ của ngân hàng nhưng toàn bộ hồ sơ đó không có dấu mộc, chữ ký của ngân hàng và người đại diện ngân hàng cũng như thời điểm đó không có bất kỳ nhân viên nào của ngân hàng ở đó. Đến khoảng 05 ngày sau thì có người điện thoại cho ông thông báo là bên Ngân hàng TMCP C báo với ông là hồ sơ đã được duyệt, đưa cho ông bản kê phải trả hàng tháng qua zalo, ngoài ra ông còn phải đóng thêm tiền bảo hiểm cho khoản vay chiếc xe đó nhưng cuối cùng ông cũng chỉ nhận được bản chụp cả vệt xe còn hồ sơ ngân hàng, hợp đồng bảo hiểm, thẻ ATM ông vẫn chưa nhận được. Ông chưa bao giờ nhận được sự tư vấn, giải thích về khoản vay này của ngân hàng nhưng do ông quen biết và tin tưởng người bán xe nên cũng không hỏi thêm. Ông thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng TMCP C, tài sản đảm bảo là Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020. Ông đồng ý sẽ thanh toán tiếp tục số tiền đã vay nhưng ngân hàng phải tạo điều kiện, thời gian để công việc ổn định mới có thể trả được. Đồng thời ông xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử của Tòa.

Bị đơn - bà Đoàn Thị Ngọc M vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bà Đoàn Thị Ngọc M không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195,

196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Quang K đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Bị đơn – bà Đoàn Thị Ngọc M mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng năm 2015.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C khởi kiện bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/06/2020, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

Bị đơn - ông Huỳnh Quang K cư trú tại địa chỉ: Căn hộ E Lô B4 Chung cư F, phường G, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, bà Đoàn Thị Ngọc M sinh năm 1988 cư trú tại địa chỉ: 24.5, Tầng 24+25, Khu A2, đường L, Tổ H, ấp K, xã M, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh và Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do đó theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc M vắng mặt không lý do. Bị đơn ông Huỳnh Quang K, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 có đủ căn cứ xác định Ngân hàng TMCP C và ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M có ký hợp đồng vay tài sản, cụ thể như sau: Số tiền vay: 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích vay: Vay 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng, mới 100%; Thời hạn vay: 60 tháng (từ ngày 11/6/2020 đến ngày 26/5/2025); Lãi suất: 8,5%/năm.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP C đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 43/2020/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 11/06/2020 với 43/2020/HĐBĐ/NHCT94233 ngày 11/06/2020. Theo đó tài sản thế chấp là: Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020.

Căn cứ vào Giấy nhận nợ lần Số 01: TK vay 558001092201 ngày 11/6/2020 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP C giải ngân tổng cộng số tiền 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng.

Căn cứ vào Thông báo số: 94/TB-CN11-P.CG ngày 21/5/2021 và Thông báo số: 398/TB-CN11-P.CG ngày 21/5/2021 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đã vi phạm hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 nên kể từ ngày 05/12/2020 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn là ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tổng cộng số tiền

là: 63.276.201 (Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm lẻ một) đồng, trong đó nợ gốc là 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng và nợ lãi là 17.276.201 (Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm lẻ một) đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2022, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng cộng số tiền là: 591.318.265 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 504.000.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu) đồng; Lãi trong hạn: 78.764.907 (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Lãi quá hạn: 8.553.358 (Tám triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi tám) đồng. Tổng cộng: 591.318.265 (Năm trăm chín mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M. Tại bản trình bày ý kiến 10/01/2022 ông Huỳnh Quang K thừa nhận khoản vay và đồng ý sẽ thanh toán tiếp tục số tiền đã vay nhưng ngân hàng phải tạo điều kiện, thời gian để công việc ổn định mới có thể trả được. Bà Đoàn Thị Ngọc M không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Đoàn Thị Ngọc M đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C buộc bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải thanh toán số tiền tính đến ngày 31/3/2022, tổng cộng: 578.922.581 (Năm trăm bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm tám mươi một) đồng, trong đó số tiền gốc là: 591.318.265 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 504.000.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu) đồng; Lãi trong hạn: 78.764.907 (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Lãi quá hạn: 8.553.358 (Tám triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi tám) đồng. Tổng cộng: 591.318.265 (Năm trăm chín mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C đối với bị đơn ông Huỳnh Quang K, căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét, Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/06/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP C đã chấp thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và cấp cho ông Huỳnh Quang K một thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C với hạn mức tín dụng tại thời điểm mở thẻ là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Huỳnh Quang K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 197.881.400 (Một trăm chín mươi bảy triệu tám trăm tám mươi một nghìn bốn trăm) đồng.

Căn cứ Bảng sao kê tóm tắt thẻ tín dụng của ông Huỳnh Quang K, tính đến ngày 31/3/2022 ông Huỳnh Quang K còn nợ Ngân hàng TMCP C tổng cộng số tiền là: 49.938.147 (Bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 11.990.907 (Mười một triệu, chín trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng) đồng; Phí quá hạn: 876.262 (Tám trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi hai) đồng. Tổng cộng: 62.805.316 (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu) đồng.

Xét, theo quy định của pháp luật:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay *“bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*

+ Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“Điều 98. Hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại

...

d) Phát hành thẻ tín dụng....”

+ Xét, Điều 10 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C quy định: “Chủ thẻ và NH xác nhận là đã đọc, hiểu rõ, đồng ý với các điều khoản và điều kiện này. Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng, các quy định khác của NH và các TCTQT cũng như pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”

+ Xét, Điều 8 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C quy định: “NH sẽ thông báo cho chủ thẻ về việc sửa đổi hợp đồng bằng văn bản hoặc thông qua trang Web của NH địa chỉ www.vietinbank.vn/card. Nếu chủ thẻ tiếp tục sử dụng thẻ và/hoặc còn dư nợ tại thời điểm NH sửa đổi hợp đồng có nghĩa là chủ thẻ đã chấp nhận toàn bộ các sửa đổi đó. Nếu chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi của các điều khoản hoặc điều kiện thẻ tín dụng do NH đưa ra, chủ thẻ có quyền ngừng sử dụng thẻ và thông báo cho NH trong vòng 20 ngày kể từ ngày NH thông báo các nội dung sửa đổi để thực hiện các thủ tục chấm dứt sử dụng thẻ theo quy định của NH”.

+ Xét, Điều 5 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C quy định: “Tất cả các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh tạo nên dư nợ của chủ thẻ theo từng kỳ sao kê. Nếu chủ thẻ không trả hoặc chỉ trả một phần dư nợ, Ngân hàng sẽ tính lãi đối với dư nợ kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của NH đến ngày Chủ thẻ trả nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo”

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Huỳnh Quang K. Tại bản trình bày ý kiến 10/01/2022 ông Huỳnh Quang K thừa nhận khoản vay và đồng ý sẽ thanh toán tiếp tục số tiền đã vay nhưng ngân hàng phải tạo điều kiện, thời gian để công việc ổn định mới có thể trả được, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn, trình bày ý kiến của bị đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C buộc bị đơn ông Huỳnh Quang K phải thanh toán tổng cộng số tiền tính đến ngày 31/3/2022 là: 62.805.316 (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 49.938.147 (Bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 11.990.907 (Mười một triệu, chín trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Phí quá hạn: 876.262 (Tám trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi hai) đồng. Tổng cộng: 62.805.316 (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn trả nợ:

Đối với dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với dư nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 12/06/2020 nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Quang K phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn ông Huỳnh Quang K, bà Đoàn Thị Ngọc M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

[3.3.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ điểm b mục 2.01 Điều 2 của hợp đồng tín dụng số: 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn có quy định “Trường hợp số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 5.2 và Điều 9.2 Điều kiện điều khoản chung của hợp đồng này thì bên vay phải trả lãi trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận tại điểm 2.01 (a) tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3.2] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Quang K phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2020 cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ Điều 5 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C quy định: “Tất cả các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh tạo nên dư nợ của chủ thẻ theo từng kỳ sao kê. Nếu chủ thẻ không trả hoặc chỉ trả một phần dư nợ, Ngân hàng sẽ tính lãi đối với dư nợ kể từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của NH đến ngày Chủ thẻ trả nợ, các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và sẽ được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo”. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M không thanh toán số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng TMCP C, thì Ngân hàng TMCP C có

quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020. Xét yêu cầu này là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, trường hợp ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có trách nhiệm xoá thế chấp và trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020 cho ông Huỳnh Quang K.

[3.5] Về án phí:

Bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020 của Ngân hàng TMCP C được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn ông Huỳnh Quang K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 12/06/2020 của Ngân hàng TMCP C được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng TMCP C và bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

Buộc ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2022 là: 591.318.265 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 504.000.000 (Năm trăm lẻ bốn triệu) đồng; Lãi trong hạn: 78.764.907 (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Lãi quá hạn: 8.553.358 (Tám triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi tám) đồng. Tổng cộng: 591.318.265 (Năm trăm chín mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi lăm) đồng theo hợp đồng tín dụng số 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020.

Buộc ông Huỳnh Quang K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền tính đến ngày 31/3/2022 là: 62.805.316 (Sáu mươi hai triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, ba trăm mười sáu đồng) đồng, cụ thể: Nợ gốc: 49.938.147 (Bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, một trăm bốn mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 11.990.907 (Mười một triệu, chín trăm chín mươi ngàn, chín trăm lẻ bảy) đồng; Phí quá hạn: 876.262 (Tám trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm sáu mươi hai) đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 12/06/2020.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày 01/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày 01/4/2022, bị đơn ông Huỳnh Quang K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng ngày 12/06/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/6/2020 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP C các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.3. Trường hợp ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng TMCP C, thì Ngân hàng TMCP C có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020.

2.4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được dùng để thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đối với Ngân hàng TMCP C theo hợp đồng tín dụng số: 23/2020-HĐCV/NHCT94233-HUYNH QUANG KHAI ngày 11/06/2020. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ.

2.5. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi số nợ là: 01 Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 đứng tên ông Huỳnh Quang K theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020 để thanh toán cho khoản nợ của ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M mà số tiền thu được từ việc phát mãi các quyền sử dụng đất này còn dư thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M.

2.6. Trường hợp ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP C thì Ngân hàng TMCP C có trách nhiệm xóa thẻ chấp và trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Đen, biển số đăng ký 51H-561.51, số máy: D4HBEU945097, số khung: 81XBEU290920 theo Giấy

chứng nhận đăng ký xe số: 572608 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/2020 cho ông Huỳnh Quang K.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.652.731 (Hai mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi một) đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Quang K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.140.266 (Ba triệu một trăm bốn mươi ngàn hai trăm sáu mươi sáu) đồng.

Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP C là 13.832.667 (Mười ba triệu tám trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0013607 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C; Bị đơn ông Huỳnh Quang K và bà Đoàn Thị Ngọc M được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đường sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Thu).

Trần Thị Xuân Duyên